

Số: 36/2013/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/12/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1500/TTr-TNMT ngày 03/7/2013 và Văn bản số 1940/TNMT-CCMT ngày 15/8/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 932/QĐ/UB ngày 15/7/1994 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định tạm thời về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TTr Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó VP, các Tổ CV.VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NL;
- Gửi: Bản giấy và điện tử.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

BAN PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn

QUY ĐỊNH

Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này nhằm cụ thể hóa các văn bản pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với mọi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (kể cả trong và ngoài nước) sống và hoạt động trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Mọi hành vi trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh trái với quy định này, làm ảnh hưởng xấu đến môi trường đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương II

**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ**

Điều 3. Trách nhiệm về bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

1. Trước khi triển khai dự án đầu tư, tùy theo tính chất, quy mô, công suất của dự án, Chủ đầu tư phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường đồng thời với quá trình lập dự án đầu tư/báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc phương án sản xuất kinh doanh để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận đăng ký. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, văn bản chấp nhận bản cam kết môi trường là căn cứ để:

a) Cấp hoặc điều chỉnh giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản đối với các dự án thăm dò, khai thác khoáng sản.

b) Cấp hoặc điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với dự án có hạng mục xây dựng công trình thuộc đối tượng phải xin giấy phép xây dựng.

c) Xem xét, quyết định đầu tư dự án đối với những dự án còn lại.

2. Trước khi đưa dự án đi vào vận hành chính thức phải lập hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.

3. Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã đi vào hoạt động nhưng chưa có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy xác nhận cam kết bảo vệ môi trường, quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường hoặc các giấy tờ tương đương khác thì ngoài việc bị xử lý vi phạm còn phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo đúng quy định của pháp luật.

4. Các tổ chức, cá nhân trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải thực hiện nghiêm túc các nội dung bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

5. Bố trí cán bộ chuyên trách hoặc bán chuyên trách phụ trách công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở; định kỳ tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động làm việc trong cơ sở.

6. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra định kỳ hoặc đột xuất về môi trường tại cơ sở, cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động của cơ sở khi được yêu cầu. Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và chịu các hình thức xử lý đối với những hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường do cơ sở mình gây ra.

7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở.

8. Nộp các loại thuế môi trường, phí bảo vệ môi trường theo quy định. Đối với các cơ sở khai thác khoáng sản phải thực hiện theo đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường theo quy định.

9. Chấp hành nghiêm túc các quy định khác của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 4. Chế độ báo cáo định kỳ về công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

1. Các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn, định kỳ 6 (sáu) tháng một lần gửi báo cáo về công tác bảo vệ môi trường đến cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường địa phương để theo dõi, tổng hợp.

2. Nơi gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường:

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết: gửi báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng lập bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản: gửi báo cáo đến UBND xã nơi triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. UBND cấp xã tổng hợp, định kỳ 6 (sáu) tháng một lần báo cáo UBND cấp huyện; UBND cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp báo cáo của cấp xã, định kỳ 6 (sáu) tháng một lần báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Đối với các cơ sở nằm trong khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thì ngoài việc gửi báo cáo đến cơ quan quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều này còn phải gửi một bản đến Ban Quản lý Khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn cụ thể nội dung báo cáo về công tác bảo vệ môi trường và thời gian gửi báo cáo.

Điều 5. Quản lý các nguồn phát thải trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

1. Các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh chất thải độc hại, lượng chất thải phát sinh lớn, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng không được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh mới hoặc giấy phép xây dựng mới trong khu dân cư.

Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng và các sở, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành danh mục các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh mới hoặc giấy phép xây dựng mới trong khu dân cư.

2. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

b) Trường hợp cơ sở xây dựng mới phải đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu là 15% diện tích mặt bằng quy hoạch xây dựng cơ sở.

c) Có đủ phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải rắn, thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định. Chất thải nguy hại phải được lưu giữ ở thùng riêng, có nắp đậy, dán nhãn ký hiệu theo quy định và hợp đồng với cơ quan có chức năng vận chuyển và xử lý.

d) Có biện pháp giảm thiểu và xử lý bụi, khí thải đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; đảm bảo không để rò rỉ, phát tán khí thải, hơi, khí độc hại gây ô nhiễm môi trường.

đ) Hạn chế đến mức thấp nhất tiếng ồn, độ rung, phát sáng, phát nhiệt gây ảnh hưởng xấu đối với môi trường, người lao động và dân cư xung quanh.

e) Trường hợp xảy ra các sự cố cháy, nổ, rò rỉ hóa chất, phát tán ô nhiễm ra môi trường thì phải có biện pháp ứng phó kịp thời và báo cáo ngay cho chính quyền địa phương và cơ quan liên quan để chỉ đạo khắc phục xử lý.

3. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô tương ứng với đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thì ngoài các quy định nêu tại Khoản 2 Điều này còn phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Hệ thống thoát nước thải phải tách riêng với hệ thống thoát nước mưa.

b) Trường hợp có phát sinh nước thải sản xuất, tại điểm xả thải phải lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra.

4. Nghiêm cấm thải các chất thải từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn ra môi trường.

Điều 6. Bảo vệ môi trường trong khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp

1. Quy hoạch xây dựng khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của vùng, quy hoạch sử dụng

đất của tỉnh, hạn chế sử dụng đất canh tác nông nghiệp; không xâm phạm các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, bảo đảm phát triển bền vững và an ninh quốc phòng.

2. Bố trí các khu chức năng trong khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp phải hợp lý, khoa học, giảm thiểu tác động xấu đối với môi trường xung quanh.

3. Tỷ lệ diện tích đất cây xanh trong khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp tối thiểu phải bằng 10% tổng diện tích khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

4. Khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp phải có nhà máy xử lý nước thải tập trung vận hành trước khi các dự án đầu tư vào khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp đi vào hoạt động, có lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với lưu lượng nước thải và một số thông số đặc trưng trong nước thải của khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

5. Các dự án đầu tư vào khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp ngoài việc chấp hành đầy đủ các quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Quy định này thì còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Phải xác định rõ cơ sở tiếp nhận, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại

b) Đầu ra nước thải của các dự án (trừ những dự án có xây dựng trạm xử lý nước thải riêng đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành) phải đầu nối trực tiếp vào hệ thống thu gom nước thải về nhà máy xử lý nước thải tập trung của khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

Điều 7. Bảo vệ môi trường đối với làng nghề

1. Tùy điều kiện về quỹ đất của từng địa phương để quy hoạch tổng thể đồng bộ về mặt bằng sản xuất của làng nghề, xây dựng kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường cho làng nghề bảo đảm việc thu gom và xử lý các loại chất thải phát sinh đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

2. Các cơ sở sản xuất nằm trong khu dân cư gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời tới các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề được quy hoạch.

3. Các địa phương có làng nghề phải xây dựng quy chế bảo vệ môi trường làng nghề phù hợp và bố trí cán bộ chuyên trách quản lý môi trường làng nghề.

4. Mỗi làng nghề phải thành lập tổ, đội vệ sinh môi trường thực hiện việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường phát sinh từ làng nghề về nơi xử lý chất thải rắn tập trung của địa phương.

5. UBND tỉnh khuyến khích các làng nghề đáp ứng các điều kiện bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường làng nghề thông qua các chính sách ưu đãi về vốn và các chính sách về đất đai.

6. Các cơ sở hoạt động trong làng nghề phải tích cực, chủ động nghiên cứu, cải tiến công nghệ, áp dụng công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, áp dụng giải pháp sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng.

7. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và ban hành cơ chế huy động nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường đối với các làng nghề được công nhận.

8. Giao Sở Công Thương chủ trì rà soát quy hoạch ngành nghề, làng nghề nông thôn, lập danh mục các loại hình và quy mô làng nghề cần được bảo tồn và phát triển; các loại hình và quy mô sản xuất làng nghề cần phải loại bỏ khỏi khu vực dân cư, nông thôn.

Điều 8. Bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế

1. Chất thải y tế phải được thu gom, phân loại, lưu trữ và vận chuyển theo quy định tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BYT ngày 30/11/2007 của Bộ Y tế.

2. Xử lý chất thải y tế:

a) Cơ sở y tế có đủ điều kiện tự vận chuyển, xử lý tiêu hủy chất thải y tế nguy hại theo quy định do cơ sở mình phát thải thì không phải làm thủ tục đăng ký cấp giấy phép quản lý chất thải nguy hại. Trường hợp vận chuyển, xử lý tiêu hủy chất thải y tế nguy hại không phải do cơ sở mình phát thải thì phải làm thủ tục đăng ký để được cấp giấy phép vận chuyển, xử lý tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định.

b) Cơ sở y tế không có khả năng tự vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải y tế nguy hại của mình, phải hợp đồng với các cơ sở vận chuyển và tiêu hủy chất thải y tế nguy hại được cơ quan thẩm quyền về môi trường cấp giấy phép thực hiện.

3. Người lao động trong cơ sở y tế có hoạt động liên quan đến chất thải y tế phải được trang bị quần áo, thiết bị bảo đảm an toàn, tránh lây nhiễm dịch bệnh từ chất thải y tế.

4. Các cơ sở y tế điều trị các bệnh truyền nhiễm phải có các biện pháp cách ly với khu dân cư và các nguồn nước. Các cơ sở y tế xây dựng mới điều trị các bệnh truyền nhiễm không được đặt trong khu dân cư và phải đảm bảo khoảng cách đến khu dân cư theo quy định.

5. Các cơ sở y tế có trách nhiệm:

a) Thống kê từng loại và khối lượng mỗi loại chất thải y tế phát sinh; khối lượng được chuyển đi xử lý hàng ngày. Định kỳ 6 (sáu) tháng một lần báo cáo tổng hợp về Sở Y tế và Sở Tài nguyên và Môi trường. Riêng các trạm y tế, phòng khám báo cáo về Phòng Y tế và phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thành phố, thị xã để tổng hợp báo cáo Sở Y tế và Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Lập hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại với Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Có kế hoạch, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế gây ra.

Điều 9. Bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng

1. Khi thiết kế quy hoạch xây dựng phải nghiên cứu địa hình khu vực để hạn chế tối đa tình trạng ngập úng; bảo vệ các loài động vật quý hiếm, tài nguyên sinh vật trong hệ sinh thái trên cạn và dưới nước.

2. Việc tập kết vật tư, vật liệu xây dựng, trộn vữa hồ, bê tông, phế thải xây dựng trên vỉa hè, lòng đường phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

3. Trong quá trình thi công xây dựng phải che chắn công trình, ngăn ngừa vật rơi từ trên cao xuống và bụi phát tán vào môi trường xung quanh.

4. Phải có hệ thống thoát nước bảo đảm không gây lầy lội trên công trường, sạt lở, sụt lún đất, bồi lắng khe suối xung quanh và ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận.

5. Nghiêm cấm đổ phế thải xây dựng trực tiếp xuống các hồ ao, sông suối và nơi công cộng khác.

6. Trong hoạt động thi công xây dựng phải có biện pháp hạn chế đến mức thấp nhất tiếng ồn, độ rung làm ảnh hưởng đến công nhân lao động và khu dân cư xung quanh.

Điều 10. Bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải

1. Việc thi công hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông phải có sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan để thống nhất kế hoạch đầu tư, nghiêm cấm việc tự ý đào xới các công trình giao thông làm ảnh hưởng đến đi lại, sinh hoạt của nhân dân, gây ô nhiễm môi trường và mất mỹ quan đô thị.

2. Các phương tiện tham gia giao thông phải đảm bảo về tiêu chuẩn kỹ thuật và phải được cơ quan đăng kiểm kiểm tra, xác nhận trước khi hoạt động; không được thải khói, bụi, tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép ra môi trường.

3. Các phương tiện vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, chất thải phải được lót thùng xe, phủ bạt, không được để rò rỉ, rơi vãi, phát tán bụi gây ô nhiễm môi trường; không được mang bùn, đất làm lầy lội, ảnh hưởng đến hoạt động giao thông trên các tuyến đường vận chuyển.

4. Việc vận chuyển chất thải nguy hại, các hàng hoá, vật liệu có nguy cơ gây sự cố môi trường phải sử dụng các thiết bị, phương tiện chuyên dụng, phải có giấy phép vận chuyển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và đi theo đúng tuyến đường quy định trong giấy phép.

5. Trường hợp sử dụng động vật để kéo xe tham gia giao thông, chủ phương tiện phải có dụng cụ để đựng chất thải do vật kéo thải ra. Người điều khiển phương tiện có trách nhiệm vận chuyển chất thải do vật kéo thải ra đến địa điểm tập kết xử lý chất thải theo quy định.

Điều 11. Bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản

1. Trước khi tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản, Chủ đầu tư phải lập và trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi môi trường; thực hiện ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường theo quy định.

2. Việc khảo sát, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến các loại khoáng sản có chứa nguyên tố phóng xạ, chất độc hại phải tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn phóng xạ và các quy định khác về bảo vệ môi trường.

3. Đối với hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về vật liệu nổ công nghiệp.

4. Khi kết thúc thi công, mọi công trình khoan điều tra địa chất, tìm kiếm, thăm dò khoáng sản nếu không được sử dụng đều phải được trám lấp kịp thời, đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm không gây ảnh hưởng tới các tầng chứa nước riêng biệt và với nguồn nước mặt.

5. Sau khi kết thúc hoạt động khai thác khoáng sản phải làm thủ tục đóng cửa mỏ theo quy định của Luật Khoáng sản và tiến hành việc cải tạo, phục hồi môi trường theo dự án, đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt.

Điều 12. Bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác khu du lịch, điểm du lịch:

a) Bảo đảm các điều kiện vệ sinh môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm khi cung cấp cho khách du lịch các dịch vụ theo quy định của pháp luật.

b) Đặt các thùng rác ở vị trí thuận tiện cho khách bỏ rác; thực hiện thu gom hoặc hợp đồng với các tổ chức, cá nhân khác để thu gom, vận chuyển rác đến nơi xử lý theo quy định.

c) Xây dựng khu vệ sinh công cộng tại vị trí phù hợp quy hoạch, đảm bảo vệ sinh môi trường.

d) Có nội quy bảo vệ môi trường phù hợp với đặc thù của khu, điểm du lịch, đặt cạnh lối vào và những nơi dễ quan sát trong khu, điểm du lịch.

đ) Kiểm tra, hướng dẫn, yêu cầu tổ chức, cá nhân có hoạt động tại khu, điểm du lịch thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường.

2. Trách nhiệm bảo vệ môi trường của khách du lịch:

a) Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và sự hướng dẫn của ban quản lý khu, điểm du lịch.

b) Không chặt cây, bẻ cành hoặc có hành vi khác phá hoại cây cối, các thảm thực vật và cảnh quan trong khu du lịch.

c) Nghiêm cấm các hành vi vứt rác thải hoặc các chất thải khác không đúng nơi quy định.

d) Không đốt lửa tại các nơi dễ gây cháy rừng hoặc hủy hoại thảm thực vật.

đ) Không xua đuổi hoặc có hành vi khác xâm phạm đến sinh sống bình thường của các loài động vật sống nơi du lịch.

e) Không mang hóa chất độc hại, chất nổ, chất dễ gây cháy đến nơi du lịch.

Điều 13. Bảo vệ môi trường trong nuôi trồng, đánh bắt, khai thác, chế biến thủy, hải sản

1. Hoạt động nuôi trồng thủy, hải sản phải đảm bảo tuân thủ đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển nuôi trồng thủy, hải sản chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy hải sản phải đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật và cơ sở hạ tầng gồm: điện; đường giao thông; các hệ thống cấp, tiêu thoát nước; ao xử lý nước cấp và ao xử lý nước thải; khu vực chứa bùn thải từ hoạt động nạo vét, cải tạo ao nuôi và bùn lắng từ ao xử lý nước cấp, ao xử lý nước thải.

3. Nguồn thức ăn, giống, thuốc bệnh, thuốc diệt tạp, nguồn nước cung cấp cho đầm nuôi phải đảm bảo chất lượng, có xuất xứ rõ ràng, tuân thủ các quy định của ngành thủy sản.

4. Không được sử dụng các loại hóa chất, thuốc thú y, thức ăn quá hạn sử dụng hoặc nằm trong danh mục cấm, hoặc hạn chế sử dụng theo quy định của pháp luật về vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm trong nuôi trồng thủy sản.

5. Nghiêm cấm việc sử dụng các biện pháp, phương tiện, công cụ có tính hủy diệt (máy tạo xung điện, kích điện, hoá chất độc hại, chất nổ và các công cụ khác) để đánh bắt, khai thác nguồn lợi thủy, hải sản.

6. Nghiêm cấm nhập khẩu các loài thủy sản không rõ nguồn gốc, nằm trong danh mục cấm nhập khẩu theo quy định.

7. Nghiêm cấm phá rừng ngập mặn để nuôi trồng thủy sản. Khuyến khích việc nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào hoạt động nuôi trồng thủy sản bền vững.

Điều 14. Bảo vệ môi trường trong sản xuất trồng trọt

1. Việc sản xuất, kinh doanh, tồn trữ và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y phải theo đúng hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tuyệt đối không sản xuất, kinh doanh và sử dụng các thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y trong danh mục cấm sử dụng hoặc đã hết hạn sử dụng.

2. Việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật phải đúng chủng loại, thời điểm, liều lượng và kỹ thuật; phân tươi phải được ủ hoai trước khi dùng để bón tưới rau màu.

3. Khuyến khích các hộ dân cùng sản xuất trồng trọt trên các thửa ruộng gần nhau chung nhau xây dựng bể chứa rác thải bằng bê tông có nắp đậy để đựng bao bì, vỏ chai đựng thuốc bảo vệ thực vật đã loại bỏ. Sau khi sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, người sử dụng phải thu gom các loại bao bì, vỏ chai đã sử dụng và tập kết tại bể chứa rác thải này. Các tổ chức hoạt động dịch vụ về môi trường của địa phương thực hiện thu gom, vận chuyển về nơi xử lý theo quy định.

4. Nghiêm cấm việc vứt bao bì, chai lọ đựng thuốc trừ dịch hại, phân bón bừa bãi ra đồng ruộng và nơi công cộng; nghiêm cấm xúc rửa các dụng cụ đã đựng thuốc trừ dịch hại, phân bón ở các nguồn nước công cộng.

Điều 15. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi

1. Vị trí xây dựng cơ sở chăn nuôi tập trung phải phù hợp với quy hoạch chăn nuôi của tỉnh và quy hoạch sử dụng đất của địa phương, phải ở phía dưới nguồn nước, cách điểm thu nước vào các nhà máy nước phục vụ sinh hoạt trên 1.000m.

2. Khoảng cách từ cơ sở chăn nuôi gia súc tập trung đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt phải đảm bảo khoảng cách bảo vệ vệ sinh theo quy định hiện hành.

3. Cơ sở chăn nuôi phải có hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn, nước thải đạt quy chuẩn môi trường, có hệ thống hàng rào bao quanh và có vành đai cây xanh cách ly với khu vực xung quanh.

4. Cơ sở chăn nuôi phải thường xuyên vệ sinh chuồng trại; chất thải từ chuồng trại chăn nuôi phải được thu gom và có biện pháp xử lý phù hợp bảo đảm

vệ sinh môi trường; phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh theo quy định của ngành chăn nuôi thú y.

5. Trong trường hợp phát sinh dịch bệnh, mọi hoạt động chăn nuôi, kinh doanh, vận chuyển, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi phải được thực hiện theo đúng quy định của cơ quan thú y và cơ quan y tế cấp tỉnh, không để dịch bệnh lây lan và lây truyền bệnh cho con người. Xác vật nuôi bị chết do dịch bệnh phải được quản lý, xử lý chôn lấp, tiêu hủy theo đúng hướng dẫn của cơ quan thú y và cơ quan bảo vệ môi trường.

6. Khi xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc trong khuôn viên hộ gia đình phải bố trí vị trí hợp lý, cách xa nhà ở và đường đi chung, cuối hướng gió chính; nền chuồng không thấm có độ dốc 1,5°, xây hầm Biogas để xử lý nước thải phù hợp quy mô và có hố chứa phân, rác, có nắp đậy kín đảm bảo không phát tán mùi ra môi trường xung quanh.

7. Khuyến khích những hộ gia đình có quy mô chăn nuôi từ 50 con gia súc, 500 con gia cầm trở lên xây dựng chuồng trại tại khu quy hoạch chăn nuôi tập trung.

8. Những điều cấm trong hoạt động chăn nuôi:

a) Vứt xác gia súc, gia cầm bị nhiễm bệnh hoặc bị chết ra môi trường.

b) Thải ra môi trường chất thải chăn nuôi chưa qua xử lý hoặc đã được xử lý nhưng chưa đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Để rơi vãi chất thải chăn nuôi ra môi trường trong quá trình chứa đựng và vận chuyển.

d) Nhập gia súc, gia cầm không rõ nguồn gốc, không theo đúng quy định của pháp luật.

đ) Để gia súc thả rong, phóng uế nơi công trình công cộng.

e) Chăn nuôi gia súc, gia cầm trong cơ quan, công sở.

g) Chăn nuôi gia súc với quy mô trên 50 con trở lên trong các phường nội thành, nội thị, nội ô thị trấn, thị tứ.

h) Xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm trên sông, hồ, khe, suối, kênh mương.

Chương III

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG ĐÔ THỊ, KHU DÂN CƯ, NƠI CÔNG CỘNG

Điều 16. Bảo vệ môi trường trong hoạt động tang lễ, mai táng

1. Hoạt động tang lễ, mai táng phải thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định số 31/2012/QĐ-UBND ngày 06/7/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh và các quy định khác của pháp luật về bảo vệ môi trường, vệ sinh phòng bệnh.

2. Việc xây dựng nghĩa trang phải theo quy hoạch được phê duyệt và phù hợp với khả năng khai thác quỹ đất; không xây dựng mới nghĩa trang hung táng trong nội thành, nội thị.

3. Khoảng cách tối thiểu từ nghĩa trang đến khu dân cư, trường học, bệnh viện, công sở và nguồn nước phải đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường theo quy định.

Điều 17. Bảo vệ môi trường đối với đô thị, khu dân cư tập trung

1. Tất cả các công trình xây dựng mới khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu chung cư phải có kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường phù hợp với quy hoạch đô thị, khu dân cư tập trung được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các đô thị, khu dân cư phải có hệ thống thoát nước đảm bảo các chức năng:

a) Thu gom nước mưa trên toàn khu đô thị, khu dân cư.

b) Nước thải được thu gom từ nơi phát sinh và dẫn về các công trình xử lý nước thải đô thị tập trung.

c) Nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

d) Đảm bảo thoát nước thải, nước mưa nhanh chóng, hạn chế tình trạng ngập úng.

3. Các đô thị, khu dân cư phải có đủ thiết bị, phương tiện chuyên dụng để thu gom, vận chuyển chất thải rắn đã được phân loại tại nguồn từ các hộ gia đình trong khu dân cư; có địa điểm tiếp nhận chất thải rắn đảm bảo vệ sinh môi trường.

4. Tại các khu công cộng, các khu thương mại, chợ, bến xe, công viên... phải bố trí nhà vệ sinh công cộng và thùng chứa rác công cộng đặt ở các vị trí phù hợp, đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị.

5. Các hồ, ao, kênh, mương trong đô thị, khu dân cư phải được bảo vệ, quy hoạch cải tạo, hạn chế tối đa việc san lấp; nghiêm cấm việc lấn chiếm, sử dụng diện tích ao, hồ, kênh, mương để coi nói, xây dựng mới các công trình.

Điều 18. Quy định về hệ thống cây xanh đô thị

1. Quy hoạch phát triển đô thị phải đảm bảo phát triển hệ thống cây xanh trên các đường phố, công viên, khu dân cư, đảm bảo diện tích cây xanh trên đầu người đạt mức quy định cho từng cấp đô thị.

2. Lựa chọn loại cây phù hợp để không làm ảnh hưởng tới an toàn giao thông; không làm hư hại móng nhà và các công trình ngầm; không gây nguy hiểm, không dễ gãy, đổ; không làm ảnh hưởng tới vệ sinh môi trường (không trồng các loại cây có gai, có tiết ra chất độc hại hoặc thu hút côn trùng).

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia trồng và phát triển cây xanh trong các đô thị, khu dân cư; phải tận dụng đất ven hồ, kênh mương và các khoảnh đất trống phù hợp để trồng cây xanh.

4. Nghiêm cấm mọi hành vi tự ý chặt phá, bẻ cành hủy hoại cây xanh đô thị.

Điều 19. Bảo vệ môi trường nơi công cộng

1. Thực hiện nghiêm túc các quy định về giữ gìn vệ sinh môi trường tại các khu vui chơi giải trí, chợ, bến xe, khu thương mại và các khu vực công cộng khác; bỏ rác vào thùng rác công cộng hoặc nơi quy định tập trung rác, vệ sinh đúng nơi quy định.

2. Nghiêm cấm các hành vi vứt, đổ rác thải, xả nước thải hoặc phóng uế không đúng nơi quy định gây mất vệ sinh trên các trục đường, vỉa hè, sông, suối, ao, hồ, công viên, vườn hoa và các khu công cộng khác; không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng.

3. Nghiêm cấm mọi hành vi tự ý phá hoại vườn hoa, thảm cỏ, các thảm thực vật trong đô thị, các khu dân cư, các trục đường giao thông và nơi công cộng.

4. Không hút thuốc lá nơi công cộng.

Điều 20. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình, cá nhân

1. Thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường theo hương ước, nội quy, quy chế của địa phương và các quy định luật pháp có liên quan.

2. Thực hiện lối sống thân thiện với môi trường; vận động gia đình và cộng đồng tích cực tham gia hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng và hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư.

3. Không được phát tán khí thải, mùi hôi, tiếng ồn và tác nhân khác vượt quá tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường gây ảnh hưởng đến sức khỏe, sinh hoạt của cộng đồng dân cư xung quanh, đặc biệt trong khoảng thời gian từ 22 giờ đêm đến 6 giờ sáng.

4. Sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên; tăng cường tái sử dụng, tái chế rác thải, sử dụng các loại bao gói dễ phân hủy trong tự nhiên, các sản phẩm có gắn nhãn sinh thái, sản phẩm thân thiện với môi trường; thực hiện tiêu dùng ít phát sinh rác thải, nhất là bao bì nilon khó phân hủy.

5. Thực hiện phân loại rác tại nguồn, tận dụng, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện việc phân loại chất thải rắn tại nguồn.

6. Các hộ gia đình phải có đường thoát nước ra cống công cộng hoặc mương thoát nước chung; không thải nước thải tràn ra nơi công cộng hoặc sang phạm vi đất của gia đình khác làm mất vệ sinh, ảnh hưởng đến môi trường.

7. Thực hiện nghiêm túc việc đóng các loại phí về thu gom rác thải, phí nước thải sinh hoạt và phí về bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

8. Khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân xây dựng và sử dụng hồ xí tự hoại, hồ xí hợp vệ sinh; xây dựng các công trình vệ sinh, công trình phụ, chuồng trại chăn nuôi cách xa nguồn nước sử dụng.

Điều 21. Bảo vệ môi trường khi xảy ra sự cố môi trường

1. Tổ chức, cá nhân phát hiện dấu hiệu xảy ra sự cố môi trường phải báo ngay cho Ủy ban nhân dân địa phương hoặc cơ quan chuyên môn gần nhất để thực hiện việc ngăn chặn, xử lý kịp thời và khắc phục sự cố môi trường.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân gây ra sự cố môi trường:

a) Thực hiện các biện pháp khẩn cấp để đảm bảo an toàn cho người và tài sản; ngăn chặn, hạn chế đến mức thấp nhất các nguồn gây ra sự cố môi trường, các đường dẫn phát tán chất thải, tác nhân gây ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người.

b) Thông báo kịp thời cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra sự cố; trường hợp sự cố môi trường xảy ra trong phạm vi nhiều cơ sở thì người đứng đầu các cơ sở có trách nhiệm cùng phối hợp ứng phó.

c) Trường hợp sự cố môi trường vượt quá khả năng ứng phó của cơ sở, địa phương thì phải báo cáo khẩn cấp cho cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý để kịp thời huy động các cơ sở, địa phương khác tham gia ứng phó sự cố môi trường.

d) Thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình điều tra, xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm.

đ) Thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý môi trường.

e) Bồi hoàn chi phí trong việc huy động các nguồn lực để ứng phó sự cố môi trường.

3. Các tổ chức, cá nhân được yêu cầu huy động ứng phó sự cố môi trường phải tuân thủ sự chỉ đạo của người chỉ huy việc ứng phó; đóng góp kinh phí, phương tiện và thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi khả năng của mình.

4. Đối với các sự cố môi trường do thiên nhiên, chi phí bồi hoàn trong việc ứng phó sự cố môi trường do ngân sách nhà nước chi trả.

Chương IV

CHÍNH SÁCH VÀ NGUỒN LỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 22. Chính sách khuyến khích bảo vệ môi trường

1. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để mọi tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; đầu tư phát triển công nghệ sạch, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, tăng cường tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu chất thải. Xem xét để trao giải thưởng doanh nghiệp xanh cho các doanh nghiệp đạt được các tiêu chí trên.

3. Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong quá trình cải tạo hệ thống xử lý chất thải, di dời, khắc phục ô nhiễm được xem xét hỗ trợ một phần kinh phí cải tạo hệ thống xử lý, khắc phục ô nhiễm hoặc được hỗ trợ bố trí địa điểm, hỗ trợ một phần kinh phí di dời đối với trường hợp di dời địa điểm.

4. Khuyến khích việc thành lập tổ tự quản môi trường để tăng cường công tác quản lý môi trường tại mỗi địa phương; hình thành nếp sống, thói quen giữ gìn vệ sinh môi trường, xóa bỏ hủ tục gây hại đến môi trường.

5. Ưu tiên tăng cường năng lực bảo vệ môi trường đảm bảo đủ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong thời kỳ mới.

6. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, vận động kết hợp áp dụng các biện pháp hành chính, kinh tế và các biện pháp khác để xây dựng ý thức tự giác, kỷ cương trong hoạt động bảo vệ môi trường.

Điều 23. Nguồn tài chính cho công tác bảo vệ môi trường

1. Nguồn tài chính cho công tác bảo vệ môi trường gồm:

a) Nguồn ngân sách của tỉnh cho sự nghiệp bảo vệ môi trường: Hàng năm ngân sách tỉnh bố trí mục chi cho hoạt động bảo vệ môi trường không dưới 1% tổng chi ngân sách của tỉnh và tăng dần tỷ lệ này theo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế.

b) Vốn của tổ chức, cá nhân cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, công nghiệp và dịch vụ về môi trường.

c) Tiền bồi thường thiệt hại về môi trường, thuế môi trường, phí bảo vệ môi trường, tiền xử lý vi phạm pháp luật về môi trường.

d) Vốn của các cơ sở sản xuất, kinh doanh để đầu tư cho bảo vệ môi trường, phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đối với môi trường.

đ) Đóng góp, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

e) Vốn vay ưu đãi và tài trợ từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

2. Nguồn ngân sách nhà nước cho bảo vệ môi trường được sử dụng vào mục đích để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng bảo vệ môi trường công cộng trong tỉnh và chi thường xuyên cho sự nghiệp môi trường, trong đó ưu tiên tập trung giải quyết các vấn đề môi trường bức xúc; phục hồi môi trường các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái; nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và khen thưởng thành tích trong công tác bảo vệ môi trường.

3. Tất cả các dự án đầu tư, quy hoạch, kế hoạch đều phải có khoản mục chi phí cho công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Ban hành theo thẩm quyền và chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy định, cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

b) Tổ chức việc đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường, xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản theo phân cấp; tổ chức kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong bản cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

c) Tham gia Hội đồng cấp tỉnh thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, dự án cải tạo, phục hồi môi trường; tham gia đoàn kiểm tra đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với các dự án, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn địa phương.

d) Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường.

đ) Chỉ đạo công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo phân cấp; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết, khắc phục sự cố môi trường.

e) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan giải quyết các vấn đề môi trường liên huyện.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường đến tận người dân, các cơ quan tổ chức trên địa bàn, tổ chức thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường.

b) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân về môi trường, xử lý các vi phạm pháp luật về môi trường theo thẩm quyền.

c) Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, bảo vệ các công trình đê điều; bố trí quỹ đất xây dựng nghĩa trang, khu xử lý chất thải rắn đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

d) Vận động nhân dân giữ gìn vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh.

đ) Quản lý hoạt động của thôn, làng, bản, tổ dân phố và tổ chức tự quản về giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ môi trường trên địa bàn.

e) Thực hiện các tham vấn, góp ý kiến về các vấn đề môi trường của dự án đầu tư sẽ triển khai trên địa bàn, trường hợp cần thiết phối hợp với chủ dự án tổ chức đối thoại với các bên liên quan.

Điều 25. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp, lực lượng vũ trang nhân dân

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, có các trách nhiệm sau:

a) Tham mưu cho UBND tỉnh về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn; tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền và có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các văn bản đó.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường.

c) Chỉ đạo xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh; thực hiện công bố thông tin môi trường theo quy định của pháp luật; tổ chức đánh giá hiện trạng môi trường trên địa bàn.

d) Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án cải tạo, phục hồi môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết của các dự án đầu tư, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.

đ) Tổ chức kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trước khi dự án đi vào vận hành chính thức đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của UBND tỉnh; kiểm tra, xác nhận hoàn thành các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

e) Thực hiện quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh.

g) Thanh tra, kiểm tra và giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến bảo vệ môi trường; xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu UBND tỉnh xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

h) Thẩm định và tổ chức thu phí bảo vệ môi trường theo quy định.

i) Phát hiện và lập danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn, báo cáo và tham mưu UBND tỉnh phương án giải quyết.

k) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, UBND cấp huyện xây dựng dự toán ngân sách sự nghiệp môi trường hàng năm của tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tham mưu lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường vào chương trình xây dựng chiến lược, quy hoạch tổng thể và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, huyện và các dự án phát triển khác thuộc thẩm quyền.

b) Đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển.

c) Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt đầu tư hoặc cho phép các dự án đầu tư triển khai thực hiện khi có báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường được đăng ký xác nhận.

d) Cân đối nguồn vốn cho việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng bảo vệ môi trường; thẩm định các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng về xử lý môi trường, các dự án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh.

đ) Bố trí kế hoạch ngân sách hàng năm chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường cấp tỉnh và cấp huyện.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh giao dự toán phân bổ ngân sách sự nghiệp môi trường, đảm bảo nguồn kinh phí chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường; thẩm định phân bổ kế hoạch và dự toán sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm theo quy định của pháp luật.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phí vệ sinh môi trường.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường đối với các cấp ngân sách; tổ chức kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh.

d) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định về phí, lệ phí trong công tác bảo vệ môi trường.

4. Công an tỉnh:

a) Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường.

b) Tổ chức lực lượng phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường theo quy định.

c) Tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường; tiến hành điều tra, xử lý vi phạm pháp luật về môi trường theo quy định của pháp luật, chuyển cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tài liệu, hồ sơ vụ việc liên quan tới các vi phạm pháp luật về môi trường để thanh tra, kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện tốt việc công khai thông tin các doanh nghiệp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phối hợp cung cấp thông tin về kết quả phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

5. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hà Tĩnh:

a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức sản xuất các chương trình chuyên mục, chuyên đề về bảo vệ môi trường.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các chương trình truyền thông về bảo vệ môi trường; phản ánh các gương điển hình tiên tiến, các vụ việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Các Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng, Cầu Treo:

a) Xem xét các dự án đầu tư vào khu kinh tế, chỉ tiếp nhận các dự án thuộc ngành nghề đã được mô tả trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế, khu công nghiệp; ưu tiên các dự án có công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường; không tiếp nhận các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các khu chức năng trong khu kinh tế, khu công nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện và các cơ quan liên quan kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong khu kinh tế, khu công nghiệp; giám sát việc thực hiện các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản của các dự án đầu tư, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu kinh tế, khu công nghiệp đã được phê duyệt hoặc xác nhận.

d) Tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho các chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế, khu công nghiệp và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu kinh tế, khu công nghiệp.

đ) Phát hiện và kịp thời báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ môi trường để giải quyết, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; chủ trì giải quyết các tranh chấp, kiến nghị, tố cáo về môi trường trong khu kinh tế, khu công nghiệp.

e) Cử đại diện tham gia Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đoàn kiểm tra xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của các dự án đầu tư vào khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp theo quy định.

7. Các sở, ban, ngành liên quan:

Các sở, ban, ngành liên quan trên địa bàn tỉnh theo chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chịu trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến phạm vi quản lý của sở, ngành mình.

Điều 26. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp tổ chức tuyên truyền, vận động các thành viên, hội viên và nhân dân tham gia bảo vệ môi trường; giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Cơ quan quản lý nhà nước các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể tham gia bảo vệ môi trường.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ môi trường thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2. Cán bộ công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý bảo vệ môi trường thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng các cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức thanh tra, kiểm tra xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường.

4. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể, UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức triển khai thực hiện quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn trong Quy định này có sự sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản mới./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Sơn